

Chữ Hồng

(10/18/02)

Cách sử dụng chữ nghĩa theo lối tự phát, tự biên tự diễn bừa bãi ở Việt Nam hiện nay đã khiến cho ngay cả một số người làm báo viết văn ở Việt Nam phải lên tiếng than phiền. Mới đây trên báo Nhân Dân điện tử, tác giả Đặng Thêm đã đưa ra mấy chữ mới được tung ra, than phiền là nghe cầu kỳ, khó hiểu và sai lệch như:

- sơ hữu. “Mối quan hệ Việt – Mỹ chỉ là sơ hữu...” Sơ hữu + bạn mới quen, mới làm bạn (new friendship). Tại sao không nói: “Mối quan hệ Việt – Mỹ chỉ là bạn mới quen...?”

- hiển thị. “Chỉ cần ấn nút thì mọi nhu cầu sẽ được hiển thị trên máy tính...” (appear on screen) Tại sao không nói “.....sẽ thấy hiện rõ trên máy...”?

- hùng hiễm “Địa thế nổi đó rất hùng hiễm...” hùng vĩ=hiểm trở (majestic greatness+dangerous).

- tương thích. Giá cả đó tương thích với chất lượng mặt hàng...” tương đương=thích hợp (equal=appropriated). Cách ghép nối gượng gao.

- tai tệ nạn. “Tai tệ nạn xảy ra khá nhiều trên đoạn đường này” tai nạn+tệ nạn xã hội (accident+social crime/evil). Cách ghép nối kỳ lạ.

Sau đây là một số từ dùng sai lệch, lạm dụng, mang ảnh hưởng Tây phương nặng nề, làm tiếng Việt mất đi sự trong sáng:

1. Trọng thị. Coi trọng (show consideration for/ attach important to) trong từ điển ghi là một từ cũ, không hiểu sao lại được dùng trở lại. Thí dụ: Chúng ta phải trọng thị yếu tố đó...Cứ nôm na nói: “Chúng ta phải coi trọng yếu tố đó...” là đủ và giản dị rồi.

2. Vùng sâu xa. Vùng rừng núi, đầm lầy (highland=swamp area). Đây là cách

sử dụng chữ trốn tránh thực tế. Vùng ở trong sâu hiểm là vùng hẻo lánh, sinh lầy

và vùng xa tức là vùng trên cao, ở xa. Đây là cách dùng mỉa dân, cũng như để dễ bề đẩy giáo viên, kỹ sư, bác sĩ không phe đảng, không là con cháu cán bộ đến phục vụ nơi khỉ ho cò gáy. Ngoài ra “sâu xa” còn gây hiểu lầm với “lòng cảm ơn, biết ơn sâu xa” đã quen dùng trước đây.

3. cảm giác. “Xin anh cho biết cảm giác ra sao về hiện tượng đó?...”. những gì cảm thấy được được bằng giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: sờ chạm, thị giác: mắt thấy, thính giác: tai nghe; vị giác: lưỡi nếm, khứu giác: mũi ngửi. Đó là các sense organs, còn cảm giác và cảm tưởng; cảm tính (feeling, khác với lý tính) dễ lẫn lộn vì đó là sensation, impression. Dùng đúng chữ phải là: “Xin anh cho biết cảm nghĩ, cảm tưởng, về hiện tượng đó....” chính xác hơn là cảm giác. (ngoài ra impression còn có nghĩa là ấn tượng, dấu ấn).

Chúng ta có thể nói : có cảm giác ghê sợ, nhơm tởm, lạt lẽo, ảm cúng.... một giác xuất phát từ não bộ, tuy cũng do từ năm giác quan vừa kể gửi tín hiệu lên óc.

4. thống nhất. ” Tôi đã xuống huyện thống nhất đồng chí X” Câu này mắc hai lỗi. Thứ nhất thiếu từ liên tự với, thứ nhì là thống nhất điều gì, chuyện gì?. Thống nhất (unify; unified). Trường hợp này phải nói là đồng ý với; nhất trí với.

5. buổi đêm. “Buổi đêm tôi có gặp đồng chí ấy....” Từ xưa đến nay người Việt không bao giờ nói buổi đêm cả, chỉ nói ban đêm, ban ngày. Ban được hiểu như là một thời gian khoảng 12 giờ, ban đêm 12 giờ cộng với ban ngày 12 giờ là 24 giờ. Còn buổi thì chúng ta có buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối. Ban ngày có 12 giờ và tạm coi như có 4 buổi, như vậy mỗi buổi có 3 giờ đồng hồ. Night time, day time khác với morning; noon; afternoon; evening. Chúng ta thường nói: “Chờ ông ấy mất cả buổi....” Buổi ở đây là khoảng ba giờ. Câu nói khác; “Thế là mất một buổi cà... ” Buổi ở đây lại có nghĩa mất cả một ngày công. Chế ra từ buổi đêm là làm hỏng tiếng Việt.

6. cưới. Nhà văn Lê Minh Hà đi từ miền bắc, công tác ở Đông Đức, rồi xin tỵ nạn ở Đức, viết trong tập truyện ngắn “ Trăng Góa ” :” Bọn này chưa cưới...., chúng tôi cưới”. Đó là thói quen từ vùng cộng sản. Đây không phải là lối hành văn mới lạ, kiểu cách chỉ là thói quen dùng sai từ. To marry, get married, nhưng người Việt phải nói là “Chúng tôi chưa làm đám cưới....; bọn này cưới nhau. Câu này lại do một vai nữ tự thuật, lại càng sai nặng nữa.

7. Chúng ta chỉ nói cưới vợ, không bao giờ nói cưới chồng cả. Chỉ có hai trường hợp dùng được hai chữ cưới chồng. Một là cô gái có lỗi lầm nào đó, nhà gái

phải bỏ tiền, chịu mọi chi phí đám cưới để lấy cho được một tấm chồng. Hai là những đồng bào thiếu số, sắc dân nào còn theo chế độ mẫu hệ, cô gái cưới chồng, vì chàng rể sẽ thuộc về nhà gái. Nhà gái phải trả cho nhà trai trâu, lợn, gà, chiêng đồng, v.v... để mua rể.

8. “Ngài ” Bộ trưởng ngoại giao ta đã gặp Ngài Brown thị trưởng thành phố San Francisco...” Ngài là Sir, một tước vị của Hoàng gia nước Anh ban cho một nhân vật nào đó. Sir có thể dịch ra là Hiệp sĩ, cũng có thể là Knight = Hầu

tước xuống đến tòng Nam tước = Baronet. Theo nghĩa thứ nhì ngài là một từ dùng để xưng hô và là một từ tôn xưng như cụ, ông bà, bác, chú. Trong cả hai trường hợp câu trên đều sai. Ông W. Brown chưa bao giờ được Nữ hoàng Anh trao tặng tước hiệu Sir. Theo lối xưng hô chính thức ngoại giao của Mỹ và theo lối Việt Nam, không nên gọi ông W. Brown là Ngài viết hoa. Theo lối xưng hô chính thức của Mỹ, trên văn thư phải là:

The Honorable ...W. Brown

Mayor of San Francisco

Hình thức chào hỏi:

Sir:

Dear Mayor Brown

Như thế gọi một ông thị trưởng Mỹ là Ngài đã hoàn toàn sai.

Qua sách báo từ sau 1954, miền bắc dùng sai và lạm dụng từ Ngài. Cách dùng thứ nhất để tôn xưng quá đáng giới chức ngoại quốc, thứ nhì là để chế diễu, khôi hài các nhân vật trong khối tự do dân chủ, và ở miền nam, thí dụ: Ngài đại úy, ngài thiếu tá... ngay cả có đạo họ đã gọi Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ là Nguyên soái! Từ sau 1954, trong miền nam gần như không bao giờ chúng ta thấy xuất hiện từ Ngài!

Chế độ cộng sản tự nhận là vô sản, đánh phong kiến, diệt quan lại, nhưng nay họ lại quan lại, phong kiến hơn ai hết. Chứng cứ qua từ tôn xưng Ngài và họ còn tự nhận và gọi các cán bộ và nhân vật quan trọng ngoại quốc là Quan chức. Quan chức = officials, có thể dịch là viên chức, hay giới chức ngoại giao, nhân viên chính phủ, phái đoàn ngoại giao, v.v...

9. làm rõ. ” Công an Phường 16 đang làm rõ vụ việc này...”. Làm rõ=clarify, cần làm rõ vì có sự mù mờ, chưa minh bạch, ngoài còn có nghĩa gần như nói lại cho rõ, đính chính. Đúng nghĩa phải là điều tra = investigate. Cách sử

dụng từ làm rõ cũng giống như làm việc (với công an) chỉ nhằm xóa bớt sự ghê sợ, hãi hùng của người dân khi phải tiếp xúc với công an cộng sản. Họ cố tránh những động từ như điều tra, khai báo, trình diện.. v.v...

10. tháng một; tháng mười hai. Hiện nay ở Việt Nam trong trường học họ không

dạy học sinh tháng giêng và tháng chạp nữa. Tháng giêng và tháng chạp là

cách gọi rất Việt Nam. Lịch in ở Việt Nam ghi tháng một là tháng giêng cũ. Từ xưa đến nay chúng ta vẫn gọi tháng đầu năm âm lịch là tháng giêng, tháng thứ 11 là tháng một và tháng cuối năm là tháng chạp. Gọi là tháng chạp là do tháng cuối năm âm lịch có nhiều lễ, trong đó có lễ chạp. Ca dao đã có câu:

Tháng chạp là tiết trồng khoai

Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà

Tháng thứ 11 âm lịch gọi là tháng một dễ lẫn lộn với tháng giêng, nên đã tạm bỏ. Nhưng gọi tháng January dương lịch là tháng một nghe không ổn, phải gọi là tháng giêng. Còn tháng December gọi là tháng mười hai, không có vấn đề. Nhưng họ có dạy cho học sinh tiểu học hiểu rằng muốn chỉ tháng thứ 12 trong năm âm lịch bắt buộc phải gọi là tháng chạp không?

12. thứ nhất, thứ nhì. Từ xưa theo cách đếm số, chúng ta có con số thường (cardinal number) như 1.2.3.4 và số thứ tự (ordinal number) thứ nhất, thứ nhì. Hiện nay họ dường như không ưa dùng số thứ tự và gọi thứ nhì là thứ hai. Chỉ second; deuxième là thứ hai dễ lẫn lộn với thứ hai = Monday. Trên sách báo chỉ thấy viết: một là...; hai là... Như thế chỉ riêng nước Việt Nam không cần đến số thứ tự (ordinal number) nữa sao?

13. có khả năng. Đây là cách sử dụng rất Tây, thí dụ: “Hôm nay thời tiết có khả năng mưa” chúng ta tạm chấp nhận (sao không nói giản dị là: Hôm nay trời có thể mưa?). Thí dụ này khó chấp nhận: “Học sinh X có khả năng không đạt điểm tốt nghiệp”. Có khả năng là ability; aptitude; capacity và luôn luôn dùng ở trạng thái tích cực (positive), không bao giờ dùng với trạng thái tiêu cực (negative). Những câu sau đây nghe rất chướng: “ Bệnh nhân có khả năng bị hôn mê”; “ Địch có khả năng bị tiêu diệt..”v.v...

14. khẳng định. Thói quen dùng động từ này bị lạm dụng: “Diễn viên X đã khẳng định được tài năng. Đồng chí A khẳng định ở vị trí giám đốc”. Khẳng định; xác định, xác nhận = affirm và confirm có nghĩa gần giống nhau, ngoài nghĩa theo luật pháp có nghĩa là phê chuẩn, chuẩn y. Tuy nhiên âm thanh của khẳng định nghe nặng nề.

15. Còn hai từ nữa bị người dân miền bắc lạm dụng vì lấy cách dùng của cán bộ là bản thân và chủ yếu. Bản thân = self, oneself và chủ yếu = main,

principal. Qua những câu chuyện thường ngày, chúng ta nghe họ dùng hai từ

này bừa bãi, sai lệch: “Thức ăn chủ yếu của đồng bào vùng này là ngô và khoai; Chúng tôi lấy gạo làm chủ yếu để qui thành giá trị trao đổi...” Và: “Bản thân tôi cũng không tránh khỏi dao động... Bản thân sự kiện đó còn nhiều tồn tại.....” Người ta đã bỏ quên từ tự và chính được dùng từ xưa đến nay, thí dụ: Thức ăn chính của đồng bào.... Chính tôi cũng không tránh khỏi dao động; Tự thân sự kiện đó...

Hiện nay đang có phong trào ghép chữ bừa bãi giữa hai từ Hán-Việt + Hán-Việt hoặc Hán-Việt + Nôm. Thí dụ: động thái, thể trạng, siêu sao, siêu trường... Động thái là hành động + thái độ (action + attitude); thể trạng là tình trạng thân thể (physical form situation); siêu sao = super-star; siêu trường = super-long... nghe lạ tai.

Đã đành là ngôn ngữ chẳng qua chỉ là những ước hiệu con người sử dụng để hiểu nhau, thông cảm nhau. Tuy nhiên những ước hiệu đó không được khó hiểu, bí hiểm, khó nghe, chói tai, kỳ lạ. Những tiếng nói, những chữ viết nào không được quần chúng chấp nhận sẽ bị quên lãng ngay.

Chữ Hồng 1

(10/18/02)

Trong một bài báo mới đây nhà văn Kathy có nói đến Chữ Hồng. Chữ Hồng đây tác giả muốn nói đến những cách dùng chữ nghĩa, văn chương của cộng sản Việt.

Tác giả có nêu lên một số từ đọc lên, nói lên nghe rất kỳ lạ, thô tục như Xưởng đẻ, Nhà ỉa. ... Đồng thời tác giả cũng nhắc nhở một đài phát thanh tiếng Việt ở Mỹ không nên dùng những từ và cấu trúc kỳ lạ, khó hiểu kiểu “nhà nước” Việt Nam để truyền thanh cho thính giả nghe. Nhà văn Kathy Trần, nhà văn Trà Lũ và nhà văn Đặng Trần Huân là ba trong các nhà văn ở hải ngoại chú ý đến hiện tượng dùng chữ nghĩa kỳ cục này. Mới đây tôi được biết là các xưởng ngôn viên đài phát thanh BBC, phần tiếng Việt cũng có cách dùng này. Nghe nói một số nhân viên làm việc ở đó là do đài ấy thuê mượn từ Việt Nam qua.

Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt mà chính chế độ biết là dùng sai cần phải chấn chỉnh lại. Những sai lầm trong cách viết và nói năng không phải chỉ sai từ 1975 mà sai ngay từ năm 1945. Khổ nỗi là vì có tập đoàn nắm quyền, vì bị ép buộc, dân chúng dùng mãi thành quen khó sửa chữa. Có một số từ đã phải loại bỏ như hai thí dụ vừa nêu, cũng như sau 1975, ảnh hưởng cách dùng từ trước 1975 ở miền Nam và tiếp xúc với quốc tế rộng hơn. Thí dụ như: sỹ quan, phu nhân, tướng lĩnh, người lính.v.v. ... Họ đi từ lối dùng chữ du kích, bây giờ tiến đến lối dùng chính quy.

Tuy nhiên có một số từ họ không chịu thay đổi cũng như một số khác, họ mới đặt thêm ra. Từ năm 1945 Hồ Chí Minh chủ trương nôm na hóa ngôn ngữ Việt, để lấy lòng và để dễ tuyên truyền trong giới nông dân cho dễ hiểu, thí dụ: lính thủy đánh bộ, thay cho thủy quân lục chiến, sân bay thay cho phi trường, phi cảng, Nhà Trắng thay cho Bạch Ốc.v.v. ... Nhưng lạm dụng từ thuần Việt quá mức trở thành thô tục, và đặt ra nhiều từ sai hẳn với nguyên nghĩa. Tệ hại đến nỗi ngay thủ tướng “kinh niên” Phạm Văn Đồng phải mở một chiến dịch dài dài gọi là “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” để chấn chỉnh lại.

Nói chung, việc cải tiến tiếng Việt từ sau 1954, họ dựa theo mấy điểm sau đây: (chúng tôi tránh những điểm quá chuyên môn của ngôn ngữ học):

- Chịu ảnh hưởng Trung Quốc (thí dụ: sự cố, biểu dương, khẩn trương. ...)

- Chịu ảnh hưởng Tây phương, dịch ngữ vụng và cấu trúc theo Pháp, Mỹ (thí dụ: Kinh tế trang trại vẫn chờ. ... từ (from) chính sách. ...)

Trộn lẫn giữa một từ Hán-Việt với một từ thuần Việt (thí dụ: binh lính, thu mua, dư thừa, sai sót, di dời. ...)

- Dùng động từ có thêm nghĩa danh từ hoặc tính từ (thí dụ: ấn tượng= impression, tính từ impressed: ... Mang đến cho bạn những tấm ảnh tuyệt vời nhất, ấn tượng nhất. ...; thông tin là động từ dùng như danh từ: Anh ấy cung cấp thông tin cho tôi. ...; kỷ luật là danh từ dùng như động từ: Đại úy A kỷ luật trung sĩ B; lãnh đạo là động từ, dùng như danh từ. Lãnh đạo tỉnh X đã chỉ thị. ...)

- Sính dùng những từ ghép mà từ trước cùng nghĩa với từ sau (thí dụ: khiếu kiện, mẫu mã, di dời. ...).

Sau đây chúng tôi tạm lấy 15 từ trong hàng trăm từ, cấu trúc chế độ ép dân chúng dùng, đọc lên, nói lên sai với nguyên nghĩa, nghe thô tục, kỳ lạ và ảnh hưởng Tây phương rất nặng, khó có thể chấp nhận:

1. Đại trà = on a large scale = cỡ lớn, quy mô lớn. Thí dụ: đồng bào trồng cây cà phê đại trà. Tại sao không dùng như trước là quy mô lớn? Ngoài ra dùng đại trà là bắt chước Trung Quốc. Có thể gây hiểu lầm là cây trà lớn!!
2. Đăng ký = register = ghi tên, ghi danh. Nghĩa rất đơn giản, nhưng bắt chước Trung Quốc, cố dùng Hán – Việt. Câu nói sau đây nghe kỳ lạ: “Tôi đã đăng ký mua khoai mì ở Phường. ..”. Tại sao không dùng ghi danh, ghi tên?
3. Cải tạo = transform, improve; re-education. Họ không phân biệt cải tạo vật chất với cải tạo tư tưởng, quan niệm chính trị. Nói : ”Phải dùng cát để cải tạo đất”, khác với “Trung úy miền Nam bị đi tù cải tạo”. Nếu muốn chữa cho đất có màu mỡ hơn nên dùng cải tiến, cải thiện. Khoảng 50 năm nay từ cải tạo cả nước đã hiểu là ở tù rồi!
4. Đầu ra, đầu vào = output, input = cái đưa ra, cái đưa vào, dòng điện cho vào máy; dữ kiện đưa vào máy vi tính. Họ còn dùng có nghĩa là vốn, hoặc thì giờ, công sức bỏ vào và kết quả của cuộc đầu tư đó. Nhưng dùng đầu ra, đầu vào nghe thô tục (giống như từ bộ phận = một phần việc, một nhóm, tổ, đã bị nhà văn Kathy Trần đập nát, hỏi: Bộ phận gì? bộ phận của đàn ông, đàn bà à?). Có thể dùng vốn đầu tư và kết quả, sản lượng.
5. Kích cầu = to level the bridge/ needing to stimulate = nhu cầu để kích thích/
nâng cao cái cầu lên. Cả hai nghĩa đều hàm ý là chất xúc tác, kích thích tố khiến sự việc tiến nhanh hơn. Cách dùng hơi lạ. Bên công chánh có lối dùng những con đội để nâng cao cái cầu giao thông lên. Tại sao không dùng kích thích tố, chất xúc tác như trước?
6. Quản lý = management = quản trị, chịu trách nhiệm. Bắt chước từ Trung Quốc
và bị lạm dụng. Nói: “Anh X quản lý một xí nghiệp” thì được, nhưng câu sau
“nhái lại” khôi hài “Anh sẽ xây dựng với đồng chí gái, và đồng chí gái sẽ quản lý đời anh. ..”. Quản lý chỉ dùng để trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, hành chánh. Quản lý không dùng cho lĩnh vực tình cảm được, tình cảm không phải là một lô hàng, không phải là một xí nghiệp.
7. Trao đổi = exchange = theo nghĩa của họ là nói chuyện, đối thoại, hội thoại. Cách dùng chịu ảnh hưởng nặng Tây phương. Trao đổi theo đúng nghĩa là đổi chác “ông đưa cái giò, bà thò chai rượu”. Họ chịu ảnh hưởng Tây phương quá nặng, vì trao đổi chỉ áp dụng cho hàng hóa (giao thương) hay con người. Thí dụ: “Hai nước trao đổi lãnh sự, trao buôn bán, mậu dịch”. Kiều và Kim Trọng đã trao đổi quà tặng tình yêu cho nhau. Không bao giờ trao đổi lại có nghĩa là nói chuyện, đối thoại. Thí dụ sau đây cho thấy cách dùng sai lạc; “Anh Phillippe Jamet đang trao đổi với một bé gái Việt Nam. ..”. Trao đổi gì? Quà tặng gì? Trao đổi không bao giờ có nghĩa là converse, talk to. ..., chỉ là exchange thôi.

8. Khả thi = applicable; ability to carry out = có thể thực hiện được, có thể thi hành được. Khả thi và bất khả thi, cũng chịu ảnh hưởng nặng của Trung Quốc. Sao không dùng; không thực hiện được/ không thực hiện nổi? Ngoài ra khả thi sẽ đưa đến sự hiểu lầm là có thể dự thi được.

9. Vị trí = place/ position/ job, task = chỗ đứng, vị thế / nơi chốn/ việc làm, trách vụ. Nhưng họ dùng vị trí cho luôn cả nghĩa là trách vụ, việc làm. Câu nói sau đây là sai: “Anh A đã thay anh B công tác ở vị trí kế toán trưởng” Nên nói: “ Anh A đã thay anh B công tác ở trách vụ kế toán trưởng” mới đúng. Thường thường chúng ta hay dùng: “Tiểu đội A đã chiếm được một vị trí trên cao, từ đó có thể ngăn chặn được trung đội địch tiến lên đồi”.

10. Giải phóng = liberate, emancipate/ free, relieve, release = giải tỏa, xả , thả, trả tự do. Từ giải phóng chỉ nên dùng cho con người, không dùng cho loài vật, đất, vườn. .. Họ lạm dụng từ giải phóng, nghe không thuận tai và sai nghĩa.

Thí dụ:

“ Đã giải phóng (giải tỏa) xong mặt bằng để xây dựng nhà máy/ Anh công an lưu thông tích cực công tác để giải phóng (giải tỏa) xe cộ. ../ Em X giải phóng (thả) con chó !! Những câu sau đây mới là dùng đúng cách: “ phong trào giải phóng phụ nữ. ../ Công cuộc giải phóng nô lệ. ..”

11. Cuộc gặp = meet, run into = hội kiến, gặp mặt, gặp gỡ, buổi họp. Nghe Cuộc

gặp thấy cụt ngủn, chưa trọn nghĩa. Ý họ muốn tả một cuộc hội kiến tay đôi, một lần gặp gỡ, chưa hẳn là một hội nghị (conference). Nên dùng như thí dụ này: Bộ trưởng Thái đã hội kiến / gặp bộ trưởng Lào. ..

12. Thành viên = member = theo cách nói và viết thông thường là một người trong

một tổ chức , hội đoàn, nhóm nào đó. Không thể dùng thành viên cho một cá nhân trong gia đình được. Thí dụ sau đây nghe rất Tây: “ Các thành viên trong hộ đó có cha, mẹ và hai con/ Bé Năm là một thành viên trong gia đình. ...” Tại sao không nói: “Trong hộ đó có cha, mẹ và hai con/ Bé Năm là một đứa con trong gia đình. ...” Thí dụ sau đây mới là dùng đúng: “Mỹ là thành viên trong Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc có quyền phủ quyết”

13. Cầu lông = Badminton = Một môn thể thao nhẹ nhàng gần giống quần vợt,

có giăng lưới cao, dùng vợt nhẹ và quả cầu có gắn lông vũ, đánh qua lại trên lưới. Trên thực tế quả cầu badminton làm giả bằng nhựa không chế bằng lông gà lông vịt nữa. Cách gọi này thô tục quá!. Tại sao không gọi là cầu lông vũ hoặc bát-mình-tơn? Người viết còn nhớ có lần đã bị bà vợ một đại tá sửa lưng, khi lỡ miệng nói: lông quả đào. Bà kể lại, tôi bị bà Trg. Tg. Khg. một người miền Bắc chữa khéo: “Chị nên gọi là tuyết của quả đào thì lịch sự, thanh tao hơn”

Sau đây là cách dùng sai lạc, nhằm chủ đích tuyên truyền hoặc làm giảm đi hoặc tăng mức quan trọng của sự việc:

14. Trúng thưởng = reward, award. Thế nào gọi là thưởng? Thưởng là thưởng cho những cá nhân hay tập thể có công, tài giỏi, đạt thành tích cao. ..Thưởng đi đôi với phạt. Vậy không thể nói : “Mua hàng sẽ được

trúng thưởng. ../ Anh X trúng thưởng xổ số thành phố X được 50 triệu. “. Đó chỉ là quà tặng, biểu không, không phải là thưởng, và chỉ là trúng xổ số chứ không lĩnh thưởng. Xổ số là hình thức đánh bạc, nên gọi tránh đi là trúng thưởng (Thật là mâu thuẫn, trong khi đó họ bỏ tiền ra mua máy đánh bạc đặt trong các khách sạn lớn! !)

15. Trúng tuyển (nghĩa vụ quân sự) = select, choose/ recruit . Chúng ta vẫn nói và viết tuyển sinh, tuyển quân, tuyển mộ, tuyển dụng. Nhưng nói : trúng tuyển nghĩa vụ thật là khôi hài. Nghĩa vụ quân sự là thi hành quân dịch, đến tuổi phải đi, bắt buộc phải đi, không có chuyện trúng tuyển hay không được tuyển (nên dùng theo nghĩa xấu chỉ có dân nghèo, không có tiền rút lót và không phải là con cán bộ cao cấp, mới bị trúng tuyển).

(còn tiếp)

Góp ý với giáo sư Trịnh Nhật

Diệu Tần

Trên liên mạng, trang ViệtNgữ2020, ông Trịnh Nhật, nguyên giảng sư Đại học Miền Tây Sydney (University of Western Sydney, Australia) có bài viết bàn về phiên dịch “Thử đi tìm cái tương đương trong phiên dịch”.

Bài biên khảo liên hệ đến ngôn ngữ của tác giả rất có giá trị, công phu và khá đầy đủ. Bài viết đã được đăng liên tiếp ba kỳ trên tạp chí Thế Kỷ 21, năm 1999.

Qua công trình biên khảo này, người đọc sẽ thấy rõ hơn những khó khăn trở ngại của người biên dịch và thông dịch. Mặt khác, bài viết cũng là một bài học dành cho những ai ưa thích nghề dịch thuật. Tác giả còn cho người đọc hiểu thêm một số Anh ngữ hiện đang sử dụng ở Úc, cũng như với một văn phong dí dỏm, đôi khi hài hước, khiến người đọc không bị nhàm chán, vì biên khảo thường khô khan.

Với kinh nghiệm giảng dạy ngôn ngữ và làm việc tại đài phát thanh B.B.C. Luân Đôn, ông đã có nhiều năm từng trải, vật lộn với chữ nghĩa cả Việt lẫn Anh. Tôi xin bày tỏ lòng quý trọng và cảm ơn ông. Tiếc đây tôi cũng mạn phép góp đôi lời thô thiển, mong tác giả và độc giả góp thêm ý kiến.

3.1 Ý niệm màu sắc

Từ xưa Việt Nam chúng ta có ý niệm chỉ có màu xanh, không phân biệt rõ

blue hay green. Nhưng khoảng từ 7, 8 chục năm nay tôi nghĩ chúng ta đã có ý niệm

phân biệt rõ blue và green. Nhất là ở miền Trung, đồng bào nói màu lục (diệp lục tố); xanh dương, lam. Còn màu vàng yellow cũng đã có ý niệm gọi màu vàng tươi sẫm là hoàng yến, nghệ và cam. Màu vàng ngả về màu xanh gọi là vàng chanh. Thực ra theo thuật ngữ hội họa chúng ta không có màu trắng và màu đen, hai thứ đó không được gọi là màu.

3.3 Ý niệm về “anh chị em”

Tác giả viết: Người Việt mình xem chừng không coi trọng, không quan tâm nhiều đến kẻ dưới bằng người phương Tây, và điều này có thể thấy rõ hơn khi người Việt Nam giới thiệu nhau trong lúc gặp gỡ. Lúc đó ta thường không giới thiệu trẻ em”. Điều này không đúng với thực tế. Hiện nay chúng ta biết ở hải ngoại và ở trong nước nữa, chúng ta chú ý đến trẻ em nhiều lắm. Ở cả hai phương trời các bà mẹ đều không dám sinh con nhiều, nên trẻ em được cưng chiều nhiều hơn (trong gia đình đủ sống và giàu có).

- - Tôi nghĩ từ “tiết hạnh” dịch là chastity tạm được. Ngoài ra ý niệm tiết hạnh đã xưa rồi, trên thực tế, ở trong và ngoài nước. Từ nửa thế kỷ nay, đã có câu than vãn

Văn minh Đông Á trời thu sạch

Này lúc cương thường đảo ngược ru?

Hiếm chuyện thủ tiết, hầu như không có cảnh quạt nồng ấp lạnh nữa. Phải nhìn thẳng vào thực trạng xã hội và gia đình để đau đớn thấy rõ trước mắt. Do đó khi dịch tiết hạnh và hiếm, tam tòng chỉ nên thêm cho đó là cổ ngữ (archaic) tiện bề phiên dịch.

4.2 Trong trường hợp cá biệt, trước sự hiện diện của những người giải thích luật và thi hành luật pháp, tôi nghĩ từ gentleman và lady có thể dịch tạm là “người vô tội”. Gọi họ là người lịch sự, đàng hoàng e không đúng chỗ và mỉa mai.

- Nhảy vào thuật ngữ pháp luật, tòa án nước bản ngữ là chuyện rắc rối. Ý niệm “de facto partner” chỉ còn cách tạm dịch là “thực trạng bạn sống chung không hôn thú”. Tôi đề nghị gặp những thuật ngữ, những từ chuyên môn, nên dịch theo lối cắt nghĩa.

4.2 4.3 Tác giả còn tạm dịch “problems” là lỗi và đưa thí dụ: lỗi tại tinh trùng (sperm problems); lỗi ở ống dẫn trứng (Fallopian problems). Nghe tiếng “lỗi” thấy hơi kỳ kỳ, tuy rằng có lỗi hẹn, lỗi thẻ, đan lỗi (sai). Thông thường chúng ta dùng lỗi để chỉ sự sai lầm của con người, ít dùng cho loài vật và vật dụng. Thí dụ: Lỗi tại ai? Lỗi tại anh tại ả, tại cả đôi bên. Nếu nói “ống dẫn trứng bất thường”; “ống dẫn trứng có trở ngại” có lẽ hợp hơn.

- Từ “rice” thì imported rice “phải là gạo nhập khẩu vì rất hiếm nhập khẩu thóc, “rice fields phải là ruộng/đồng lúa, green rice phải là đồng lúa xanh, rice bubbles là bột cơm sôi, boiled/ steamed rice là cơm nấu/ thổi và cơm hấp/thố. Tôi cũng có tiếp cận với sinh viên quân nhân Mỹ các ngành học tiếng Việt suốt hai mươi năm, phải giảng thật kỹ cho họ hiểu thế nào là lúa; thóc, gạo, cơm. Chúng tôi chỉ thêm cho họ thế nào là cháo và thế nào là xôi.

4.4. Tác giả nói đến ngôn ngữ ngọn thiếu từ cá biệt hyponym. Vì về house nhà cửa khó chọn được từ tương đương. Tôi tìm thấy thêm, ngoài những từ tác giả đã nêu: dinh thự, sảnh đường, thính đường, hội trường, căn phố, nhà song lập, tứ lập.

- Cũng như từ cooking nấu ăn, khó chọn từ cho tương xứng chữ tiếng Việt còn có thể kể thêm: nướng than, bỏ lò, đồ (xôi), nướng gạch, nướng vỉ, nhúng, lẩu, ninh (hầm), ram, hon, kho, nướng xâu, kho cháy cạnh.

- Về động từ “to wear”, Việt Nam không có từ tổng thể nhưng rất giàu từ liên hệ đến to wear. Giống như to carry mà tác giả đã tạm giải thích vì dân Việt Nam gốc là nông nghiệp và làm nông nghiệp rất lâu đời.

Cho nên từ về khoa học kỹ thuật, triết học thì ít là vậy. Cũng như dân da đỏ ở bắc Mỹ, có một dân tộc ít người có đến 20 từ chỉ về cá hồi (salmon). Vì họ sinh sống bằng nghề đánh bắt cá hồi, sống chết với cá hồi, buồn vui vì cá hồi.

- Tác giả có ngạc nhiên là sao từ to loose (thua, bại) Việt Nam có nhiều mà từ to win lại có ít. Thưa có nhiều lắm: được, thắng, đạt, có ưu thế, trội hơn, vượt, sống còn, thành công, đề bẹp, hạ (đối phương), trên chân, nghiền nát (đối phương).... Tiếng Việt không thiếu gì từ chỉ ý niệm thắng. Trong lịch sử, chúng ta có thắng và có bại.

- 4.5 Bàn về hai ngôn ngữ khác nhau về mô thức kết hợp ngữ (collocational patterns), Tôi có đọc lại quyển “Hồi ký Nguyễn Hiến Lê”, riêng phần dịch thuật ông dành 7 trang để nói sơ về phiên dịch, tôi trích đoạn sau đây để thấy các học giả chúng ta khi dịch cũng đã kỹ càng, cẩn thận lắm: Tác giả Nguyễn Hiến Lê kể lại: ... ông Vi Huyền Đắc không dịch câu: “Nous nous connaissions depuis l'âge des chaussettes” của Pháp là: “Chúng tôi biết nhau từ khi còn đi vợ ngắn” (vì trẻ em Việt rất ít khi đi vợ); cũng không dịch là: “Chúng tôi biết nhau từ khi còn để chỏm” vì trẻ em Pháp không để chỏm; mà dịch là “Chúng tôi biết nhau từ khi hỉ mũi chưa sạch”, cũng đã là khéo chuyển lắm, độc giả chỉ thấy xuôi tai thôi ít ai nhận được công phu của người dịch.

- Tác giả dịch đùa cho vui từ “strong tea”, “wash hair”, “delivery a baby” chứ không ai dịch là trà khỏe, rửa tóc, giao đứa bé cả.

- Từ “top” là áo, từ mấy chục năm gần đây chúng ta có thêm nhiều từ chỉ cái áo; áo cổ lọ, cổ tim, áo cánh len, áo chui đầu, áo “lu”, áo khoác, áo đuôi tôm, áo ba lỗ (T shirt), xường xám (tiếng Quảng Đông), váy ngắn, váy dài, váy mỏng, áo viền đăng ten....

- Riêng bàn về từ giả (false, forged) thì forged/ false signature còn có thể dịch là mạo chữ ký; “reproduction painting; replica statue” còn có thể dịch là bức tranh sao chép, bức tượng sao chép.. Từ giả có hàm ý chê trách, việc làm bất hợp pháp, bất hợp lệ, còn reproduction và replica không có ý đó.

- Từ black đen. Chưa bao giờ tôi nghe thấy gọi con bò màu đen là con bò hóng. Có lẽ đây là một lỗi đánh máy sai chăng? Bò hóng hay mỗ hóng là do những căn than, khói kết tụ lại do khói than củi bốc lên trong bếp. Chúng ta có câu: “Đen như bồ hóng”. Riêng khói huyền trong câu thơ phổ nhạc “khói huyền bay lên mây” không phải là khói màu đen mà là khói huyền ảo (illusion, visionary smoke, sợi khói thuốc lá mờ màng uốn éo bay lên cao).

Tác giả nói người “nghiền cờ bạc”. Có lẽ dịch “heavy gambler” là người mê cờ bạc đúng hơn là nghiền. Nghiền/ nghiền chỉ dùng để chỉ thói quen ăn, uống, hút, ngủi... như nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy, nghiện hơi hướm, ít ai nói nghiền cờ bạc.

- Một sự tình cờ là ở miền nam, không biết từ bao giờ đã có câu: “lạnh cẳng, rét” là hàm ý sợ sệt, nhút nhát trùng hợp với “to have cold feet” của tiếng Anh.

4. 6.2 Câu thành ngữ / tục ngữ “ Cháy nhà ra mặt chuột” ngoài nghĩa đen và nghĩa bóng tác giả nêu lên còn hàm ý: Khi xảy ra biến cố tai nạn mới thấy rõ những kẻ xấu xa, mới biết ai xấu ai tốt, ai là người tin cậy được, ai là kẻ bất tài, vô dụng.

- Bảng đề trước cửa “Đại sứ quán Oatxtrâyliya” với tôi, xướng lên nghe tạm được, nhưng nhìn vào có điều gì không ổn. Bởi nếu dùng từ Hán-Việt như thế, ông đại sứ phải gọi là sứ thần, không gọi là “ông đại sứ được. Từ “quán” xưa quá, ảnh hưởng nặng từ Trung Quốc, chưa kể quán là quán cà phê, quán bia ôm à? Tại sao phải tránh chữ đề “Tòa đại sứ nước”?

5.5 Từ “chemical castration” dịch ra là “dùng thuốc để thiến” dĩ nhiên không xuôi rồi. Nếu muốn tránh từ diệt dục theo triết lý nhà Phật, nên dùng thử “tiêm thuốc triệt dâm” được chăng?

- Bàn về body language, tác giả còn thử dịch là thái độ, hành động có lẽ chưa được

chính. Hành động là act/ action, nên đổi là động tác (movement), thái độ là attitude

nhiều khi không biểu tỏ bằng cử chỉ mà bằng tiếng nói hay chữ viết qua thư từ, công văn.

- Từ “ngôn ngữ loài vật (animal language), có lẽ thừa một từ ngữ vì loài vật không có chữ viết, nên gọi là “tiếng nói loài vật”.

6. 6. Phần kết luận

Từ ai khải quá mới lạ (obituary). Obituary có hai nghĩa; Bài ai điếu/ điếu văn và bài viết về tiểu sử người chết. Bà Judy Stowe chắc chắn chỉ viết tiểu sử chứ không mắc mớ gì phải viết ai điếu khóc ông Tôn Đức Thắng. Có lẽ theo chủ trương vô tư

trung thực từ xưa của Đài BBC, bà ta sẽ không có giọng điệu khen hay chê quá đáng. Vậy figurehead có ghi trong từ điển Webster's Ninth New Collegiate giải nghĩa một là hình tượng gắn trên mũi tàu thuyền, hai là chỉ có danh thôi, không có quyền. Vậy dịch là “bù nhìn” quá nặng, mà nên dịch là: Ông Tôn Đức Thắng giữ chức vụ tượng trưng/ chức vụ trên danh nghĩa. (như nhiệm vụ của Nữ hoàng Anh, vua Nhật Bản).

Nói chung bài viết của giáo sư Trịnh Nhật rất bổ ích. Đúng như lời ông nói, ông tạm ngưng bởi viết về đề tài này phải kéo đến 10 bài nữa mới hết.

Dịch thành ngữ, tục ngữ ca dao đã khó, theo tôi dịch lời nhạc và dịch thơ còn khó gấp bội. Bà Thái Thanh, cô Ý Lan khi hát bài “Giết người trong mộng” cứ cất cao giọng mãi:

Giết người đi! Giết người đi!

Dịch không khéo sẽ là là chuyện phản ý tác giả, là kêu gọi mọi người hãy phạm tội ác giết người đi!!

Dịch thơ Nguyễn Du trong truyện Kiều còn khó hơn

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Phiên dịch sao cho xuôi mà vẫn giữ được ý của tác giả là muốn tả cô Thúy Vân phúc hậu, hiền lành, tuy không tài hoa bằng cô chị.

Tả cái chí tự do vầy vùng của Từ Hải, vẫn có nhà khoa bảng dịch sai câu sau đây, vì ông hiểu sai nghĩa từ “đàn”

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo

Đàn ở đây không phải là guitare mà là một loại ná, nỏ đời xưa. Do đó chúng ta thấy không những người dịch phải thông thạo ngôn ngữ gốc và ngọn, còn phải thông thạo cả thứ tiếng góp phần tạo ra ngôn ngữ gốc nữa.

Đọc lại “Hồi ký Nguyễn Hiến Lê”

DIỆU TÂN

Học giả Nguyễn Hiến Lê mất cách đây 18 năm rồi. Sau khi đọc giả đọc không đầy đủ cuốn hồi ký của ông, phần trước in sau, phần sau in trước của nhà xuất bản Văn Nghệ đọc giả ầm ứ, thắc mắc. Đến năm 1993 cuốn hồi ký in lại toàn bộ đọc giả vẫn còn có điều chưa hài lòng. Điều không hài lòng nặng nề nhất là do thái độ chính trị, hay đúng hơn là quan điểm chính trị của nhà học giả Nguyễn Hiến Lê.

Bài viết này không nhằm mục đích thanh minh cho ông, cũng chưa đề cập đến giá trị to lớn tác phẩm của ông. Tác phẩm đa dạng và đồ sộ của ông gồm một trăm tựa sách, chính người viết bài này cũng chưa được đọc hết, làm sao có thể đưa ra lời nhận xét được. Người viết chỉ muốn xoay quanh mục “Nhân sinh quan của tôi” từ trang 544 của tác giả trong cuốn sách dày 574 trang.

Trong lời ghi chú ở bìa sau dưới chân dung tác giả, ông Nguyễn Q. Thắng viết: “Một trong vài học giả được giới trí thức quý trọng về tài học, nhân cách đối với xã hội cũng như trong học thuật. Do những thành quả lớn lao nghiêm cần của mình, ông rất được công chúng đọc giả quý trọng. Tác phẩm của Nguyễn Hiến Lê là những đóng góp lớn cho học thuật Việt Nam.”

Đa số người chống Cộng thắc mắc là ông đã không ghi danh dự “Giải thưởng Văn chương toàn quốc” năm 1967 và “Giải Tuyên dương công trạng Văn hóa” năm 1973. Giải sau là một triệu đồng, theo thời giá bằng với 25 cây vàng. Tuy ông nói là ông từ chối với lý do là “dùng tiền ấy để giúp nạn nhân chiến tranh” nhưng ai cũng hiểu là ông dị ứng với chính phủ miền Nam. Trang 196 ông có những nhận định tốt về đảng cộng sản Việt Nam, nhưng đến trang 203 ông lại kết luận đanh thép và ngắn gọn là: “Lịch sử giai cấp đấu tranh của ta thực là ngắn ngủi”. Nhưng nói về trận đánh Điện Biên Phủ, ông lại nhận quân cộng sản là quân mình.

Sau năm 1975, theo lời tự thuật, ông “chỉ cầu người ta cho mình ở yên..”. Không nên làm gì nữa, rõ ràng là một thái độ thụ động “trùm chăn”. Năm 1975, ông 65 tuổi cũng chưa phải là già. Tuy nhiên vì đã nổi danh nên ông vẫn dự vài ba cuộc hội họp với tư cách trí thức yêu nước, và tiếp nhiều bạn văn ở bưng về, ở bắc vô. Có vài tổ chức Văn hóa mời ông tới dự các buổi diễn thuyết, nhưng có lẽ vì đau ốm ông không đến dự. Đến Đại hội trí thức yêu nước, ông cũng bỏ về trước. Đại hội văn nghệ thành phố giới thiệu các hội viên nằm vùng, Lý Văn Sâm mời ông phát biểu, ông từ chối khiến Lý Văn Sâm thất vọng lắm.

Ông cũng kể những chuyện thật về ông Đào Duy Anh, chẳng hạn như họ Đào tâm sự và tiên đoán: Ngại rằng hai ba chục năm nữa kinh tế Việt Nam vẫn chưa tiến được, và xã hội chủ nghĩa vài trăm năm nữa cũng chưa xây dựng xong, mình sẽ bị phương Tây bỏ lại sau rất xa, nếu không có sự thay đổi mạnh

mẽ. Riêng cá nhân ông Đào Duy Anh chỉ viết Tự điển Truyện Kiều soạn xong từ lâu, bị chìm cả chục năm. Phải nhờ đến Phạm Văn Đồng can thiệp mới được cho in. Đúng như Đào Duy Anh tiên đoán, xã hội chủ nghĩa không bao giờ xây dựng xong cả. Nó chỉ là một thứ chế độ lai nửa tư bản, nửa cộng sản, khập khễnh như ghế ba chân.

Ông từ chối vài người muốn lại thăm và ai lại thăm thì tiếp, nhưng không đến đáp lễ. Ông nhận rằng chính quyền (cộng sản) đối với ông cũng có biệt nhân, được coi như một nhân sĩ, một trí thức tiến bộ, yêu nước. Ông đau ốm được mời vào nằm bệnh viện Thống Nhất, nhưng ông từ chối, vì “vô đó người ta gọi tôi là đồng chí tôi sẽ mắc cỡ, chịu sao nổi!”. Lấy cớ đau ốm, ông từ chối viết về đề tài “thống nhất tổ quốc” do Nguyễn Đồng Chi đề nghị.

Trong cuộc tọa đàm với hai cán bộ cao cấp là hai Thứ trưởng Hà Huy Giáp và Hà Xuân Trường, ông yêu cầu chính quyền mới phải vạch rõ đường lối văn hóa và giải tỏa thắc mắc lo ngại của các nhà văn miền Nam, nếu không được dùng lại, họ kiếm cách mưu sinh khác. Hà Huy Giáp chỉ trả lời chung chung cho có thôi, vì chỉ có Bộ Chính trị mới có thẩm quyền trả lời.

Ông thẳng thừng chê sách báo miền Bắc là kém cả về phẩm lẫn lượng. Người viết làm việc chậm, không hăng say. Cũng do nguyên nhân cán bộ văn hóa và hội viên Hội Văn nghệ sĩ được trả lương dù không viết gì cả. Ông cả gan dám đụng đến ông quan văn nghệ đầy quyền hành là Tố Hữu. Ông chê là “không hiểu nổi Tố Hữu” vì bài thơ khóc Staline và đã dám gọi Nguyễn Du bằng anh. Về biên khảo, ông chê là miền Bắc viết rất chậm. Viết từ điển, một tập đầu từ A đến C do 12 người cùng viết có hàng trăm văn thi sĩ giúp sức, phải mất 11 năm mới in ra được, kết quả là rất kém.

Nói chung là sau 30 tháng Tư 1975, ông có thái độ nửa trắng, nửa đen. Hợp tác với chính quyền cộng sản thì không hợp tác hẳn, mà trước đây cũng chê chính quyền miền nam. Tại sao ông có thái độ chính trị không dứt khoát như vậy. Chúng ta ẩn ức thắc mắc tự hỏi. Nếu ông tham gia ngành giáo dục hoặc văn hóa thông tin miền Nam, chắc chắn ông sẽ có chỗ ngồi cao và những phần thưởng vật chất cao. Vậy chúng ta phải đọc kỹ nhân sinh quan của ông, sẽ hiểu được phần nào cách hành xử của ông qua hai chế độ chính quyền đối nghịch nhau. Thật ra quan điểm về thế giới và nhân sinh không thể thoát khỏi ảnh hưởng bao trùm của chính trị (chính trị nói chung).

Nhân sinh quan của Nguyễn Hiến Lê gồm có 21 điều. Một số điều cho thấy ông không đồng ý với chính phủ cộng sản, nhất là ông muốn gửi gắm tâm tư với độc giả những suy tư đối với chế độ cộng sản sau 1975.

Điều 4 . Ông cũng không tin rằng hết thảy loài người thích sống tập thể không có của riêng. Cộng sản trên lý thuyết, sách vở chủ trương sống tập thể, làm việc tập thể, quyết định tập thể, cũng như chủ trương vô sản. Hiện nay cộng sản đang đi ngược lại những tín điều này. Mọi quyết định là do Bộ Chính trị ban ra. Các cán bộ cao cấp cùng phe nhóm người nào cũng có vợ nhỏ, người nào cũng có năm bảy biệt thự và tiền gửi nhà băng ngoại quốc. Mới đây họ tuyên bố ngang ngược là: Không ai bắt buộc cán bộ đảng viên phải nghèo. Không nghèo là giàu, và giàu là tư bản, không phải vô sản nữa.

Điều 10.. Tôi khuyên con cháu đừng làm chính trị, nhưng nếu làm thì luôn luôn phải đứng về phía nhân dân.

Câu này ông dành cho con cháu ông, nhưng một cách gián tiếp và thâm thúy ông ngầm bảo chủ nghĩa cộng sản không đứng về phía nhân dân. Rõ ràng nhất cộng sản dạy bảo quân đội rằng: Trung với đảng; không bảo phải trung với nhân dân, khi có biến động thì bỏ nhân dân, phục vụ đảng.

Điều 11. Một xã hội văn minh thì nhà cầm quyền không đàn áp đối lập; cùng lắm chỉ có thể ngăn cản họ để họ đừng gây rối thôi, tuyệt nhiên không được tra tấn họ. Phải tuyệt đối tôn trọng chính kiến mọi người.

Đảng cộng sản tự nhận mình là đúng nhất, hợp pháp, hợp lý nhất và chủ trương đàn áp mạnh tay. Tất cả những cá nhân, đoàn thể nào có chính kiến khác đều là phản động.

Họ chủ trương vô sản chuyên chính, dùng bạo lực. Cộng sản cho rằng chỉ có họ là

đúng, nên không bao giờ tôn trọng ý kiến chính trị của người khác, của đảng phái khác. Cộng sản thủ tiêu đảng viên Việt Quốc, Việt Cách ra sao, chúng ta đã biết rồi. Đảng cộng sản thi hành theo câu ghi trong hiến pháp là chuyên chế độc đảng, không

chấp nhận đa đảng.

Điều 12. Một xã hội mà nghề cầm bút, nghề luật sư, không phải nghề tự do (Ý muốn nói: không được hành nghề tự do) thì không thể gọi là một xã hội tự do được.

Điều này có thể bị coi là cực kỳ phản động đối với chế độ. Luôn luôn đảng khẳng định rằng văn học nghệ thuật phải là công cụ của đảng. Đảng luôn luôn coi văn học

nghệ thuật là một chiến tuyến vô cùng quan trọng. Văn học nghệ thuật chỉ là công cụ của đảng, của chính quyền. Không bao giờ có luật sư đứng ra cãi cho những người bị đưa ra tòa vì tội danh muốn lật đổ chế độ.

Điều 14. Chỉ nên hưởng cái phần xứng đáng với tài đức của mình thôi. Nếu tài đức tầm thường mà được phú quý, hoặc được nhiều người ngưỡng mộ thì thế nào cũng sẽ mang họa..

Đây không phải là lời đe dọa mà là lời cảnh cáo cho bọn cán bộ ngu dốt (Họ vẫn dốt như trước, dù có lấy thêm vài cái bằng giả). Ngày xưa còn có câu: Y phục xứng kỳ đức; mặc áo quần còn phải kỹ như thế huống chi tài hèn sức mọn lại ngồi trên ghế chủ tịch huyện, chủ tịch tỉnh. Chẳng sớm thì muộn cũng sẽ bị nhân dân hạ bệ thôi.

Điều 21.... hạnh phúc là được tự do, độc lập, làm một công việc hữu ích mà mình thích, gia đình êm ấm, con cái học được, phong lưu một chút, đừng giàu... cần thêm điều kiện này nữa: sống trong một xã hội lành mạnh, ổn định và tương đối thịnh vượng.

Xã hội Việt Nam bây giờ không lành mạnh, dĩ điểm, cờ bạc, ma túy, lừa đảo. Một xã hội nhiều bất công xã hội, khoảng cách giàu nghèo quá lớn, tỷ lệ bị bệnh AIDS khá cao.... Không ổn định về kinh tế sẽ kéo theo không ổn định về chính trị và an ninh. Có một chút thịnh vượng nhưng là thịnh vượng phồn hoa giả tạo. Xã hội Việt Nam bây giờ có công dân và siêu công dân. Siêu công dân là các đảng viên đang có quyền thế, gần như được miễn bị xét xử trước tòa án, chỉ bị xử lý nội bộ, phê bình kiểm thảo, có rất nhiều quyền, được bất khả xâm phạm.

Nhưng nguyên nhân nào đưa đến chủ trương không làm chính trị, chỉ trước tác dịch thuật thôi để giúp đời. Có lẽ do ông là một người con, người cháu xuất thân từ một gia đình Nho Giáo và làm cách mạng chống Pháp. Ông học chữ Hán từ nhỏ, đọc sách và sau này dịch sách từ chữ Hán sang chữ Việt. Dù muốn dù không ông cũng难免 ảnh hưởng Nho giáo. Xin hãy đọc trang 81 và những trang nói về các ông bác của tác giả. Một người cháu vẫn lấy những hình bóng của ông bố và ba người bác thi thư làm mẫu mực, nhất là bác Ba Tân Thạnh là con rể cụ cử Lê Văn Can, Đông Kinh Nghĩa Thục. Hình bóng bác Ba làm cách mạng chống Pháp hay bác Cả qua Trung Quốc in mãi

trong óc tác giả. Đó là những hình ảnh đẹp và hùng. Từ khi vào Sài Gòn cho đến khi

xuống Long Xuyên ông ôm ấp hình ảnh những cụ đồ bất đắc chí, những nhà cách mạng chưa gặp thời, với hoành phi câu đối, với thơ văn khảng khái. (Ông vẫn còn giữ những ý niệm xưa, nên khi dạy học ở Long Xuyên, học sinh sợ ông như sợ cọp. Người ta kể lại hai ông bà đi ngoài phố, ông đi trước tay không, bà theo sau ông mấy bước và phải xách cặp cho ông.)

Sau năm 1975 ông thất vọng với những con người từ trong bưng ra, từ ngoài bắc vào. Họ là bạn học cũ, là học trò cũ của ông. Ông không thấy ở họ những hình bóng chiến sĩ chống Pháp hào hùng thừa nào. Ông chỉ gặp những người đặc biệt một cách quá đáng, vô lối, hãnh diện. Ông không tham gia chính quyền miền Nam, nhưng ông có một chiều ngời cao nhất và xứng đáng nhất trong làng văn học. Ông không học gì được từ những người chiến thắng kiêu ngạo đó. Trái lại, ông thất vọng nào nề. Ông thấy rõ được những yếu kém trong văn học nghệ thuật miền Bắc. Hình ảnh một ông hương sư già mặc áo tằm, quần lá tọa dạy môn sinh chữ nghĩa thánh hiền, khác hẳn và đối nghịch với hình dáng kiêu bạc dép râu nón cối của một kẻ chiến thắng may mắn.

Do đó nhà học giả Nguyễn Hiến Lê không hợp tác, và không hợp tác được với những người mới. Do đó nhà học giả mới viết ra 21 điều nhân sinh quan chí tình về cuối đời.

Chữ Hồng

(tiếp theo)

DIỆU TÂN

Cách sử dụng chữ nghĩa theo lối tự phát, tự biên tự diễn bừa bãi ở Việt Nam hiện nay đã khiến cho ngay cả một số người làm báo viết văn ở Việt Nam phải lên tiếng than phiền. Mới đây trên báo Nhân Dân điện tử, tác giả Đặng Thêm đã đưa ra mấy chữ mới được tung ra, than phiền là nghe cầu kỳ, khó hiểu và sai lệch như:

- sơ hữu. “Mối quan hệ Việt – Mỹ chỉ là sơ hữu...” Sơ hữu + bạn mới quen, mới làm bạn (new friendship). Tại sao không nói: “Mối quan hệ Việt – Mỹ chỉ là bạn mới quen...?”

- hiển thị. “Chỉ cần ấn nút thì mọi nhu cầu sẽ được hiển thị trên máy tính...” (appear on screen) Tại sao không nói “.....sẽ thấy hiện rõ trên máy...”?

- - hùng hiễm “Địa thế nổi đó rất hùng hiễm...” hùng vĩ=hiễm trở (majestic greatness+dangerous).

- tương thích. Giá cả đó tương thích với chất lượng mặt hàng..." tương đương=thích hợp (equal=appropriated). Cách ghép nối gượng gao.

- tai tệ nạn. "Tai tệ nạn xảy ra khá nhiều trên đoạn đường này" tai nạn+tệ nạn xã hội (accident+social crime/evil). Cách ghép nối kỳ lạ.

Sau đây là một số từ dùng sai lệch, lạm dụng, mang ảnh hưởng Tây phương nặng nề, làm tiếng Việt mất đi sự trong sáng:

1. 1. Trọng thị. Coi trọng (show consideration for/ attach important to) trong từ điển ghi là một từ cũ, không hiểu sao lại được dùng trở lại. Thí dụ: Chúng ta phải trọng thị yếu tố đó...Cứ nôm na nói : "Chúng ta phải coi trọng yếu tố đó..." là đủ và giản dị rồi.

2. 2. Vùng sâu xa. Vùng rừng núi, đầm lầy (highland=swamp area). Đây là cách

sử dụng chữ trốn tránh thực tế. Vùng ở trong sâu hiểu là vùng hẻo lánh, sinh lầy

và vùng xa tức là vùng trên cao, ở xa. Đây là cách dùng mỉa dân, cũng như để dễ bề đẩy giáo viên, kỹ sư, bác sĩ không phe đảng, không là con cháu cán bộ đến phục vụ nơi khỉ ho cò gáy. Ngoài ra "sâu xa" còn gây hiểu lầm với "lòng cảm ơn, biết ơn sâu xa" đã quen dùng trước đây.

3. cảm giác. "Xin anh cho biết cảm giác ra sao về hiện tượng đó?...". những gì cảm thấy được được bằng giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: sờ chạm, thị giác: mắt thấy, thính giác: tai nghe; vị giác: lưỡi nếm, khứu giác: mũi ngửi. Đó là các sense organs, còn cảm giác và cảm tưởng; cảm tính (feeling, khác với lý tính) dễ lẫn lộn vì đó là sensation, impression. Dùng đúng chữ phải là: "Xin anh cho biết cảm nghĩ, cảm tưởng, về hiện tượng đó." chính xác hơn là cảm giác. (ngoài ra impression còn có nghĩa là ấn tượng, dấu ấn).

Chúng ta có thể nói : có cảm giác ghê sợ, nhờm tởm, lạt lẽo, ảm cúngà một giác xuất phát từ não bộ, tuy cũng do từ năm giác quan vừa kể gửi tín hiệu lên óc.

4. thống nhất. "Tôi đã xuống huyện thống nhất đồng chí X.à." Câu này mắc hai lỗi. Thứ nhất thiếu từ liên tự với , thứ nhì là thống nhất điều gì, chuyện gì?. Thống nhất (unify; unified). Trường hợp này phải nói là đồng ý với; nhất trí với.

5. buổi đêm. "Buổi đêm tôi có gặp đồng chí ấyà" Từ xưa đến nay người Việt không bao giờ nói buổi đêm cả, chỉ nói ban đêm, ban ngày. Ban được hiểu như là một thời gian khoảng 12 giờ, ban đêm 12 giờ cộng với ban ngày 12 giờ là 24 giờ. Còn buổi thì chúng ta có buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối. Ban ngày có 12 giờ và tạm coi như có 4 buổi, như vậy mỗi buổi có 3 giờ đồng hồ. Night time, day time khác với morning; noon; afternoon; evening. Chúng ta thường nói:"Chờ ông ấy mất cả buổià' Buổi ở đây là khoảng ba giờ. Câu nói khác; "Thế là mất một buổi càya ' Buổi ở đây lại có nghĩa mất cả một ngày công. Chế ra từ buổi đêm là làm hỏng tiếng Việt.

6. 6. cưới. Nhà văn Lê Minh Hà đi từ miền bắc, công tác ở Đông Đức, rồi xin tỵ nạn ở Đức, viết trong tập truyện ngắn "Trăng Góa" : "Bọn này chưa cướià, chúng tôi cưới". Đó là thói quen từ vùng cộng sản. Đây không phải là lối hành văn mới lạ, kiểu cách chỉ là thói quen dùng sai từ. To marry, get married, nhưng

người Việt phải nói là “Chúng tôi chưa làm đám cưới; bọn này cưới nhau. Câu này lại do một vai nữ tự thuật, lại càng sai nặng nữa.

7. 7. Chúng ta chỉ nói cưới vợ, không bao giờ nói cưới chồng cả. Chỉ có hai trường hợp dùng được hai chữ cưới chồng. Một là cô gái có lỗi lầm nào đó, nhà gái

phải bỏ tiền, chịu mọi chi phí đám cưới để lấy cho được một tấm chồng. Hai là những đồng bào thiếu số, sắc dân nào còn theo chế độ mẫu hệ, cô gái cưới chồng, vì chàng rể sẽ thuộc về nhà gái. Nhà gái phải trả cho nhà trai trâu, lợn, gà, chiêng đồng, v.v. để mua rể.

8. 8. Ngài. ” Bộ trưởng ngoại giao ta đã gặp Ngài Brown thị trưởng thành phố San Franciscoà” Ngài là Sir, một tước vị của Hoàng gia nước Anh ban cho một nhân vật nào đó. Sir có thể dịch ra là Hiệp sĩ, cũng có thể là Knight = Hầu

tước xuống đến tòng Nam tước = Baronet. Theo nghĩa thứ nhì ngài là một từ dùng để xưng hô và là một từ tôn xưng như cụ, ông bà, bác, chú. . Trong cả hai trường hợp câu trên đều sai. Ông W. Brown chưa bao giờ được Nữ hoàng Anh trao tặng tước hiệu Sir. Theo lối xưng hô chính thức ngoại giao của Mỹ và theo lối Việt Nam, không nên gọi ông W. Brown là Ngài viết hoa. Theo lối xưng hô chính thức của Mỹ, trên văn thư phải là:

The Honorable ...W. Brown

Mayor of San Francisco

Hình thức chào hỏi:

Sir:

Dear Mayor Brown

Như thế gọi một ông thị trưởng Mỹ là Ngài đã hoàn toàn sai.

Qua sách báo từ sau 1954, miền bắc dùng sai và lạm dụng từ Ngài. Cách dùng thứ nhất để tôn xưng quá đáng giới chức ngoại quốc, thứ nhì là để chế diễu, khôi hài các nhân vật trong khối tự do dân chủ, và ở miền nam, thí dụ: Ngài đại úy, ngài thiếu táà ngay cả có đạo họ đã gọi Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ là Nguyên soái! Từ sau 1954, trong miền nam gần như không bao giờ chúng ta thấy xuất hiện từ Ngài!

Chế độ cộng sản tự nhận là vô sản, đánh phong kiến, diệt quan lại, nhưng nay họ lại quan lại, phong kiến hơn ai hết. Chứng cứ qua từ tôn xưng Ngài và họ còn tự nhận và gọi các cán bộ và nhân vật quan trọng ngoại quốc là Quan chức. Quan chức = officials, có thể dịch là viên chức, hay giới chức ngoại giao, nhân viên chính phủ, phái đoàn ngoại giao, v.v.

9. 9. làm rõ. ” Công an Phường 16 đang làm rõ vụ việc nàyà.”. Làm rõ=clarify, cần làm rõ vì có sự mù mờ, chưa minh bạch, ngoài còn có nghĩa gần như nói lại cho rõ, đính chính. Đúng nghĩa phải là điều tra = investigate. Cách sử

10. 10. dụng từ làm rõ cũng giống như làm việc (với công an) chỉ nhằm xóa bớt sự ghê sợ, hãi hùng của người dân khi phải tiếp xúc với công an cộng sản. Họ cố tránh những động từ như điều tra, khai báo, trình diện... v.v.

11. 11. tháng một; tháng mười hai. Hiện nay ở Việt Nam trong trường học họ không

dạy học sinh tháng giêng và tháng chạp nữa. Tháng giêng và tháng chạp là

cách gọi rất Việt Nam. Lịch in ở Việt Nam ghi tháng một là tháng giêng cũ. Từ xưa đến nay chúng ta vẫn gọi tháng đầu năm âm lịch là tháng giêng, tháng thứ 11 là tháng một và tháng cuối năm là tháng chạp. Gọi là tháng chạp là do tháng cuối năm âm lịch có nhiều lễ, trong đó có lễ chạp. Ca dao đã có câu:

Tháng chạp là tiết trồng khoai

Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà

Tháng thứ 11 âm lịch gọi là tháng một dễ lẫn lộn với tháng giêng, nên đã tạm bỏ. Nhưng gọi tháng January dương lịch là tháng một nghe không ổn, phải gọi là tháng giêng. Còn tháng December gọi là tháng mười hai, không có vấn đề. Nhưng họ có dạy cho sinh tiểu học hiểu rằng muốn chỉ tháng thứ 12 trong năm âm lịch bắt buộc phải gọi là tháng chạp không?

12. 12. thứ nhất, thứ nhì. Từ xưa theo cách đếm số, chúng ta có con số thường (cardinal number) như 1.2.3.4 và số thứ tự (ordinal number) thứ nhất, thứ nhì. Hiện nay họ dường như không ưa dùng số thứ tự và gọi thứ nhì là thứ hai. Chỉ second; deuxième là thứ hai dễ lẫn lộn với thứ hai = Monday. Trên sách báo chỉ thấy viết: một là; hai là Như thế chỉ riêng nước Việt Nam không cần đến số thứ tự (ordinal number) nữa sao?

13. 13. có khả năng. Đây là cách sử dụng rất Tây, thí dụ: “Hôm nay thời tiết có khả năng mưa” chúng ta tạm chấp nhận (Sao không nói giản dị là: Hôm nay trời có thể mưa?). Thí dụ này khó chấp nhận: “Học sinh X có khả năng không đạt điểm tốt nghiệp”. Có khả năng là ability; aptitude; capacity và luôn luôn dùng ở trạng thái tích cực (positive), không bao giờ dùng với trạng thái tiêu cực (negative). Những câu sau đây nghe rất chướng: “Bệnh nhân có khả năng bị hôn mê”; “Địch có khả năng bị tiêu diệt..”v.v...

14. 14. khẳng định. Thói quen dùng động từ này bị lạm dụng: “Diễn viên X đã khẳng định được tài năng. Đồng chí A khẳng định ở vị trí giám đốc”. Khẳng định; xác định, xác nhận = affirm và confirm có nghĩa gần giống nhau, ngoài nghĩa theo luật pháp có nghĩa là phê chuẩn, chuẩn y. Tuy nhiên âm thanh của khẳng định nghe nặng nề.

14 , 15. Còn hai từ nữa bị người dân miền bắc lạm dụng vì lấy cách dùng của cán bộ là bản thân và chủ yếu . Bản thân = self, oneself và chủ yếu = main,

principal. Qua những câu chuyện thường ngày, chúng ta nghe họ dùng hai từ

này bừa bãi , sai lệch: “Thức ăn chủ yếu của đồng bào vùng này là ngô và khoai; Chúng tôi lấy gạo làm chủ yếu để qui thành giá trị trao đổi” Và: “Bản thân tôi cũng không tránh khỏi dao động” Bản thân sự

kiện đó còn nhiều tồn tại.." Người ta đã bỏ quên từ tự và chính được dùng từ xưa đến nay, thí dụ: Thức ăn chính của đồng bào à Chính tôi cũng không tránh khỏi dao động; Tự thân sự kiện đó à

Hiện nay đang có phong trào ghép chữ bừa bãi giữa hai từ Hán-Việt + Hán-Việt hoặc Hán-Việt + Nôm. Thí dụ: động thái, thể trạng, siêu sao, siêu trường à Động thái là hành động + thái độ (action + attitude); thể trạng là tình trạng thân thể (physical form situation); siêu sao = super-star; siêu trường = super-long à nghe lạ tai.

Đã đành là ngôn ngữ chẳng qua chỉ là những ước hiệu con người sử dụng để hiểu nhau, thông cảm nhau. Tuy nhiên những ước hiệu đó không được khó hiểu, bí hiểm, khó nghe, chói tai, kỳ lạ. Những tiếng nói, những chữ viết nào không được quần chúng chấp nhận sẽ bị quên lãng ngay.